

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”), công ty con và công ty liên doanh (Công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Trần Vĩnh Đức	Chủ tịch
Ông Mai Hữu Thọ	Thành viên
Ông Lê Song Lai	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Năng	Thành viên
Ông Costa Jean - Luc Francois	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Khang	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lê Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Năng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sinh Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát:

Ông Lê Việt Thành	Trưởng ban
Ông Đặng Kỳ Trung	Thành viên
Ông Lê Anh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Dũng	Thành viên
Ông Clause Pierre Seigne	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2011

Số. 66 /2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là "Tổng Công ty"), từ trang 4 đến trang 23. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã nêu tại thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, phương pháp hạch toán chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán của Công ty Bảo hiểm Liên hiệp, một công ty liên doanh của Tổng Công ty, có khác biệt với phương pháp hạch toán chênh lệch tỉ giá của Tổng Công ty và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Ảnh hưởng của sự khác biệt về phương pháp hạch toán chênh lệch tỉ giá nêu trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được trình bày tại thuyết minh số 4.

Như đã nêu tại thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Bộ Tài chính đã có Công văn số 6845 ngày 26 tháng 5 năm 2011 quyết định về việc thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận từ việc thanh lý khoản đầu tư vào công ty Bảo hiểm Nhân thọ Bảo Minh - CMG, một công ty liên doanh vào năm 2007 với tổng số tiền là 210.349.800.000 đồng (tương đương 10.236.000 Đô la Mỹ). Tuy nhiên, Tổng Công ty đang chờ hướng dẫn xử lý cụ thể từ Bộ Tài chính nên số tiền này vẫn đang tiếp tục được theo dõi trên khoản mục các khoản phải thu khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Như đã nêu tại thuyết minh số 4 và 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã trình bày khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh lần lượt theo phương pháp hợp nhất toàn bộ và theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 của công ty con và công ty liên doanh. Chúng tôi không thực hiện soát xét hay kiểm toán báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 của các công ty này.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 29 tháng 8 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thanh Đăng Sơn /
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1542/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B01-DNBH/HN
Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.508.145.990.555	2.244.251.709.541
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	287.511.150.140	299.668.805.582
1. Tiền	111		126.491.150.140	126.468.805.582
2. Các khoản tương đương tiền	112		161.020.000.000	173.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.038.708.460.212	1.022.519.683.270
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.040.299.781.059	1.022.798.532.910
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.591.320.847)	(278.849.640)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.154.125.755.418	908.385.228.659
1. Phải thu khách hàng	131	7	622.902.392.665	512.446.575.671
2. Trả trước cho người bán	132		71.666.597.184	71.577.340.658
3. Các khoản phải thu khác	135	8	486.741.754.002	351.658.358.963
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(27.184.988.433)	(27.297.046.633)
IV. Hàng tồn kho	140		3.972.873.355	4.155.845.788
1. Hàng tồn kho	141		3.972.873.355	4.155.845.788
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.827.751.430	9.522.146.242
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.313.710.983	1.114.366.848
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.774.138.991	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		15.739.901.456	8.407.779.394
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.540.383.391.269	1.577.809.040.269
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.237.204.416	23.352.270.045
1. Phải thu dài hạn khác	218		27.237.204.416	23.352.270.045
II. Tài sản cố định	220		449.202.765.978	435.153.623.817
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	100.236.587.796	96.933.444.407
- Nguyên giá	222		203.278.647.582	192.730.126.006
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(103.042.059.786)	(95.796.681.599)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	289.345.415.787	290.280.946.728
- Nguyên giá	228		312.917.837.777	310.041.721.402
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.572.421.990)	(19.760.774.674)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	59.620.762.395	47.939.232.682
III. Bất động sản đầu tư	240	4	7.655.042.500	7.655.042.500
- Nguyên giá	241		7.655.042.500	7.655.042.500
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		996.508.246.650	1.056.630.531.016
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	12	212.181.923.502	211.074.735.261
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	851.452.406.913	873.061.246.913
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(67.126.083.765)	(27.505.451.158)
V. Tài sản dài hạn khác	260		59.780.131.725	55.017.572.891
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	48.250.500.691	45.256.496.382
2. Ký quỹ bắt buộc	263		6.000.000.000	6.000.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.529.631.034	3.761.076.509
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		4.048.529.381.824	3.822.060.749.810

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B01-DNBH/HN
Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.705.801.520.270	1.452.352.426.195
I. Nợ ngắn hạn	310		520.613.485.433	473.466.346.282
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		2.500.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	15	305.122.722.498	252.143.257.644
3. Người mua trả tiền trước	313		80.624.974.900	107.789.847.011
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	25.393.596.906	24.809.781.876
5. Phải trả người lao động	315		31.602.210.162	17.788.545.461
6. Chi phí phải trả	316		55.827.225	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		75.027.217.082	66.023.520.232
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		286.936.660	4.911.394.058
II. Nợ dài hạn	320		200.693.086	199.089.754
1. Phải trả dài hạn khác	322		171.668.730	157.168.730
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	326		29.024.356	41.921.024
III. Dự phòng nghiệp vụ	330	17	1.184.987.341.751	978.686.990.159
1. Dự phòng phí	331		812.457.563.519	642.325.349.977
2. Dự phòng bồi thường	333		186.023.389.519	168.180.397.171
3. Dự phòng dao động lớn	334		186.506.388.713	168.181.243.011
B. NGUỒN VỐN	400		2.246.943.513.568	2.272.845.585.419
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	2.246.943.513.568	2.272.845.585.419
1. Vốn điều lệ	411		755.000.000.000	755.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.133.484.074.449	1.133.484.074.449
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		20.597.849.092	20.248.966.726
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	656.021.813
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.954.744.488	1.354.440.477
6. Quỹ dự trữ bắt buộc	422		43.353.940.544	43.381.188.412
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		10.442.408.954	10.057.001.077
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420		282.110.496.041	308.663.892.465
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	19	95.784.347.986	96.862.738.196
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		4.048.529.381.824	3.822.060.749.810



Vũ Thị Dung
Người lập



Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng




Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 02a-DNBH/HN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
Thu phí bảo hiểm gốc	01		1.156.992.263.501	1.059.424.805.140
Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		99.705.257.312	86.383.448.080
Các khoản giảm trừ	03		(312.525.997.401)	(301.421.556.351)
Phí nhượng tái bảo hiểm	04		(308.995.249.821)	(286.475.860.486)
Giảm phí bảo hiểm	05		(112.509.046)	(231.528.893)
Hoàn phí bảo hiểm	06		(3.418.238.534)	(14.714.166.972)
Tăng dự phòng phí	08		(170.132.213.542)	(120.095.294.851)
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		45.673.135.058	38.462.207.483
Thu từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác	10		693.872.755	883.995.303
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14		820.406.317.683	763.637.604.804
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		(364.228.080.861)	(366.167.931.518)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		(31.384.527.991)	(32.692.222.689)
Trừ các khoản khấu trừ	17		61.893.301.587	67.018.020.562
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18		53.925.598.115	65.076.660.447
Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	19		7.846.876.508	1.721.209.046
Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	20		120.826.964	220.151.069
Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21		(333.719.307.265)	(331.842.133.645)
Sử dụng quỹ dự phòng dao động lớn	22		10.000.000.000	-
Tăng dự phòng bồi thường	23		(17.842.992.305)	(72.020.010.078)
Trích dự phòng dao động lớn	24		(28.325.145.702)	(25.331.600.906)
Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27		(116.847.236.658)	(71.673.996.516)
Chi đòi người thứ ba	29		(443.296.211)	(24.450.000)
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31		(191.524.215)	(464.243.999)
Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32		(3.660.404.076)	(3.231.019.848)
Chi khác (giám định, phí đồng bảo hiểm....)	33		(39.023.602.756)	(272.384.117)
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	35		(22.673.749.128)	(20.915.278.400)
Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41		(552.727.258.316)	(525.775.117.509)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		267.679.059.367	237.862.487.295
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		(264.105.330.634)	(242.968.933.590)
Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		3.573.728.733	(5.106.446.295)
Doanh thu hoạt động tài chính	46	20	177.404.344.904	113.630.212.559
Chi phí tài chính	47	21	(87.301.754.943)	(41.246.914.979)
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	51		90.102.589.961	72.383.297.580
Thu nhập khác	52		113.235.262	522.126.211
Chi phí khác	53		(291.319.369)	(4.351.273)
(Lỗ)/Lợi nhuận khác	54		(178.084.107)	517.774.938
Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên doanh	55		15.166.015.912	8.945.069.794
Lợi nhuận trước thuế	56		108.664.250.499	76.739.696.017
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60	22	(10.708.688.218)	(15.174.765.289)
Lợi nhuận sau thuế	61		97.955.562.281	61.564.930.728
Phân phối cho: Lợi ích cổ đông thiểu số	62		3.446.057.404	2.485.730.659
Lợi ích của cổ đông Tổng Công ty	63		94.509.504.877	59.079.200.069
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.252	783



Vũ Thị Dung
Người lập



Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng




Lê Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2011

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B03-DNBH/HN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
1. Lợi nhuận trước thuế	01	108.664.250.499	76.739.696.017
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.729.995.958	10.091.115.736
Các khoản dự phòng	03	247.121.397.206	223.422.728.549
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(12.933.243.856)	(9.324.152.319)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(150.650.577.327)	(77.432.296.395)
Chi phí lãi vay	06	63.663.194	3.245.306.667
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	203.995.485.674	226.742.398.255
Tăng các khoản phải thu	09	(268.151.028.210)	(227.370.553.594)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	182.972.433	(1.045.830.291)
Tăng các khoản phải trả	11	41.957.752.749	125.795.174.521
Tăng chi phí trả trước	12	(3.209.757.822)	(21.032.228.715)
Tiền lãi vay đã trả	13	(63.663.194)	(3.245.306.667)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.415.300.384)	(17.787.635.994)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	49.632.630	7.304.026.165
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.299.855.889)	(107.656.947.777)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(36.953.762.013)	(18.296.904.097)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(25.810.864.119)	(31.153.043.395)
Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư dài hạn và ngắn hạn khác	22	89.813.636	14.720.000
Tiền chi cho đầu tư ngắn hạn và dài hạn	23	(975.088.130.979)	(418.675.592.615)
Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư	24	1.005.122.913.018	712.031.822.256
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(256.180.117.802)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	55.145.695.170
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	118.299.131.159	114.885.622.927
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	122.612.862.715	176.069.106.541
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	16.850.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.350.000.000)	(100.000.000.000)
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(113.250.000.000)	(104.775.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(110.750.000.000)	(204.775.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(25.090.899.298)	(47.003.147.556)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	299.668.805.582	287.798.179.549
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	12.933.243.856	9.324.152.319
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	287.511.150.140	250.119.184.312


Vũ Thị Dung
Người lập

Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởngLê Văn Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là “Công ty mẹ”), công ty con và công ty liên doanh, cụ thể được trình bày như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam, là một công ty cổ phần theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 27GP/KDBH ngày 8 tháng 9 năm 2004 do Bộ Tài chính ban hành, và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty mẹ đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 28 tháng 11 năm 2006 và chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 21 tháng 4 năm 2008 với mã số chứng khoán là BMI.

Công ty mẹ có 60 chi nhánh trên cả nước và hoạt động chính của Công ty mẹ là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 1.808 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.806 người).

Công ty con

Công ty chứng khoán Bảo Minh (gọi tắt là “Công ty con”) được thành lập theo theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trụ sở chính của Công ty con đặt tại số 10 Phan Huy Chú, Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Công ty con có vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ sở hữu 70,08% vốn điều lệ tương đương với 70,08% quyền biểu quyết.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty con là: Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tổng số nhân viên của Công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 59 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 66 người).

Công ty liên doanh

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là “Công ty liên doanh”) là công ty liên doanh giữa Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm TNHH LIG (thành lập tại Hàn Quốc) được thành lập tại Việt Nam với thời hạn hoạt động là 25 năm theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 1 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và các giấy phép điều chỉnh. Trụ sở chính của Công ty liên doanh đặt tại số 2 Ngõ Quyền, Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Hoạt động chính của Công ty liên doanh là kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ, thực hiện hoạt động nhận nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm Công ty liên doanh được phép kinh doanh, thực hiện các dịch vụ liên quan gồm: giám định, điều tra, tính toán phân bổ tổn thất, đại lý giám định, xét giải quyết bồi thường từ bên thứ ba.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH***Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất***

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm.

1372
HÀNH
CÔNG TY
M HỮU
ITTT
NA
NỘI
ĐC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kể từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hằng năm.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty do Công ty mẹ kiểm soát (sau đây gọi tắt là “công ty con”) được lập cho đến ngày lập báo cáo tài chính. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư vào công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà cửa	5 - 25
Phương tiện vận tải	6 - 12
Máy móc thiết bị	3 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản khác	3 - 5

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất để xây trụ sở ở các chi nhánh và phần mềm máy tính. Theo quy định hiện hành, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn. Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư thể hiện quyền sử dụng đất không thời hạn do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá và không tiến hành khấu hao. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại ngày báo cáo tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán niêm yết có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Công ty không lập dự phòng đối với các chứng khoán chưa niêm yết mà không thể thu thập được giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và chi phí hoa hồng chờ phân bổ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian Tổng Công ty ghi nhận các lợi ích kinh tế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu kinh doanh bảo hiểm được ghi nhận khi đơn bảo hiểm có hiệu lực, khi nhận được các bảng thanh toán từ nhà nhận tái bảo hiểm cũng như nhà nhượng tái bảo hiểm.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán là các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoa hồng

Chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở thực chi khi thực thu phí bảo hiểm hoặc phân bổ theo thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chênh lệch tỷ giá của Công ty Bảo hiểm Liên hiệp, một công ty liên doanh của Tổng công ty như đã nêu bên dưới. Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp, một công ty liên doanh của Tổng Công ty, không hạch toán chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty và chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) - “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỉ giá hối đoái” mà ghi nhận vào khoản mục “chênh lệch tỉ giá hối đoái” trên bảng cân đối kế toán. Nếu Tổng Công ty thực hiện việc điều chỉnh sự khác biệt chính sách kế toán về chênh lệch tỷ giá của Công ty Bảo hiểm Liên hiệp khi lập báo cáo tài chính hợp nhất thì lợi nhuận sau thuế hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 sẽ tăng lên một khoản là 348.882.366 đồng (năm 2010: 3.168.594.222 đồng) và lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 sẽ tăng lên 20.597.849.092 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: tăng 20.248.966.726 đồng). Theo đó, khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ có số dư bằng không.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất****Dự phòng nghiệp vụ***

Dự phòng phí được tính theo phương pháp tỷ lệ 1/8 (hàng nửa quỹ) hoặc 1/365 (hàng ngày) dựa trên hệ số của thời hạn hiệu lực hợp đồng bảo hiểm. Phương pháp 1/365 áp dụng cho các loại hình bảo hiểm được ghi nhận và theo dõi trên phần mềm nghiệp vụ bảo hiểm Policy/Asia và phương pháp 1/8 được áp dụng cho các loại hình bảo hiểm còn lại. Việc áp dụng cả hai phương pháp này được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 9330/BTC-QLBH ngày 30 tháng 6 năm 2009.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết được tính theo từng trường hợp cụ thể căn cứ vào số liệu thực tế ước tính các tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm bao gồm cả các nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm đã khiếu nại trong năm tài chính.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 - Hợp đồng bảo hiểm thì các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến chuẩn mực này nên dự phòng dao động lớn được tiếp tục trích lập theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Trong năm, Tổng Công ty trích lập dự phòng dao động lớn theo tỷ lệ là 3% phí bảo hiểm giữ lại (năm 2010: 3%) và được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính.

Các khoản dự phòng khác

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Quỹ dự trữ bắt buộc và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập vào cuối năm tài chính.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo Điều lệ Tổng Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	12.919.145.031	14.408.240.714
Tiền gửi ngân hàng	111.664.192.488	112.060.564.868
Tiền đang chuyển	1.907.812.621	-
Các khoản tương đương tiền	161.020.000.000	173.200.000.000
	287.511.150.140	299.668.805.582

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn ít hơn 3 tháng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Cổ phiếu niêm yết VNĐ	Cổ phiếu chưa niêm yết VNĐ	Trái phiếu VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN					
Tại ngày 1/1/2011	1.291.990.759	25.500.000.000	-	996.006.542.151	1.022.798.532.910
Tăng	3.329.189.128	5.230.000.000	20.000.000.000	894.000.000.000	922.559.189.128
Giảm	(794.304.979)	-	-	(904.263.636.000)	(905.057.940.979)
Tại ngày 30/6/2011	3.826.874.908	30.730.000.000	20.000.000.000	985.742.906.151	1.040.299.781.059
DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN					
Tại ngày 1/1/2011	278.849.640	-	-	-	278.849.640
Tăng dự phòng	1.312.471.207	-	-	-	1.312.471.207
Tại ngày 30/6/2011	1.591.320.847	-	-	-	1.591.320.847
GIÁ TRỊ THUẦN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN					
Tại ngày 30/6/2011	2.235.554.061	30.730.000.000	20.000.000.000	985.742.906.151	1.038.708.460.212
Tại ngày 31/12/2010	1.013.141.119	25.500.000.000	-	996.006.542.151	1.022.519.683.270

Các khoản đầu tư ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Phải thu bảo hiểm gốc	529.193.202.392	434.986.939.316
Phải thu tái bảo hiểm	93.666.190.273	77.449.636.355
Phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	43.000.000	10.000.000
	622.902.392.665	512.446.575.671

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, các khoản phải thu khác bao gồm số tiền 210.349.800.000 đồng (tương đương 10.236.000 Đô la Mỹ) là khoản phải thu từ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC") thể hiện số vốn gốc và thặng dư từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Bảo Minh CMG vào năm 2007 và đã tạm chuyển về SCIC để chờ ý kiến xử lý của Bộ Tài chính. Trong kỳ, Bộ Tài chính, chủ sở hữu trước đây của Tổng Công ty đã có công văn số 6845 ngày 26 tháng 5 năm 2011 quyết định về việc thu hồi số tiền này về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương; tuy nhiên, Tổng Công ty đang chờ hướng dẫn xử lý cụ thể từ Bộ Tài chính nên vẫn tạm thời tiếp tục theo dõi khoản tiền này trên tài khoản phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2011	108.979.962.202	42.936.348.570	1.013.685.384	36.056.333.899	3.743.795.951	192.730.126.006
Tăng trong kỳ	32.548.200	3.422.317.274	-	819.199.281	38.000.000	4.312.064.755
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.337.509.696	-	-	571.917.580	-	6.909.427.276
Thanh lý	-	(429.487.560)	-	(243.482.895)	-	(672.970.455)
Tại ngày 30/6/2011	115.350.020.098	45.929.178.284	1.013.685.384	37.203.967.865	3.781.795.951	203.278.647.582
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2011	33.539.142.651	32.104.949.816	603.037.654	26.703.561.775	2.845.989.703	95.796.681.599
Khấu hao trong kỳ	3.356.134.893	1.987.818.314	98.141.412	2.240.756.656	235.497.367	7.918.348.642
Giảm do thanh lý	-	(429.487.560)	-	(243.482.895)	-	(672.970.455)
Tại ngày 30/6/2011	36.895.277.544	33.663.280.570	701.179.066	28.700.835.536	3.081.487.070	103.042.059.786
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2011	78.454.742.554	12.265.897.714	312.506.318	8.503.132.329	700.308.881	100.236.587.796
Tại ngày 31/12/2010	75.440.819.551	10.831.398.754	410.647.730	9.352.772.124	897.806.248	96.933.444.407

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm nhà cửa, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, dụng cụ văn phòng và các tài sản khác đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 52.628.015.238 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 43.975.300.755 đồng).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	257.293.776.223	52.747.945.179	310.041.721.402
Tăng trong kỳ	-	289.402.540	289.402.540
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	587.700.000	1.999.013.835	2.586.713.835
Tại ngày 30/6/2011	257.881.476.223	55.036.361.554	312.917.837.777
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	346.028.975	19.414.745.699	19.760.774.674
Khấu hao trong kỳ	144.384.680	3.667.262.636	3.811.647.316
Tại ngày 30/6/2011	490.413.655	23.082.008.335	23.572.421.990
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2011	257.391.062.568	31.954.353.219	289.345.415.787
Tại ngày 31/12/2010	256.947.747.248	33.333.199.480	290.280.946.728

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 10.055.886.876 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 8.353.529.997 đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	47.939.232.682	43.978.898.251
Tăng	21.209.396.824	51.333.587.831
Kết chuyển sang tài sản cố định	(9.496.141.111)	(45.209.524.203)
Giảm khác	(31.726.000)	(2.163.729.197)
Tại ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12	59.620.762.395	47.939.232.682

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp - UIC (gọi tắt là "Công ty liên doanh") có vốn điều lệ là 300.000.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 300.000.000.000 đồng, tương đương 5.000.000 Đô la Mỹ). Công ty mẹ nắm giữ 48,45% vốn điều lệ và tương đương 48,45% quyền biểu quyết tại Công ty liên doanh.

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Giá gốc của khoản đầu tư vào công ty liên doanh	152.781.309.450	152.781.309.450
Phần lợi nhuận thuần của Tổng Công ty trong liên doanh	59.400.614.052	58.293.425.811
	212.181.923.502	211.074.735.261

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Cổ phiếu niêm yết VNĐ	Cổ phiếu chưa niêm yết VNĐ	Trái phiếu VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN					
Tại ngày 1/1/2011	-	292.772.781.845	483.430.905.068	96.857.560.000	873.061.246.913
Tăng	1.510.528.785	28.489.471.215	-	27.000.000.000	57.000.000.000
Giảm	-	(4.982.000.000)	(36.626.840.000)	(37.000.000.000)	(78.608.840.000)
Tại ngày 30/6/2011	1.510.528.785	316.280.253.060	446.804.065.068	86.857.560.000	851.452.406.913

DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Tại ngày 1/1/2011	-	3.733.925.601	-	23.771.525.557	27.505.451.158
Tăng	96.335.600	-	-	39.539.297.007	39.635.632.607
Tại ngày 30/6/2011	96.335.600	3.718.925.601	-	63.310.822.564	67.126.083.765

GIÁ TRỊ THUẦN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Tại ngày 30/6/2011	1.414.193.185	312.561.327.459	446.804.065.068	23.546.737.436	784.326.323.148
Tại ngày 31/12/2010	-	289.038.856.244	483.430.905.068	73.086.034.443	845.555.795.755

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản tiền gửi và khoản đầu tư ủy thác có kỳ hạn từ trên 1 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Chi tiết danh mục đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và trái phiếu tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Cổ phiếu Công ty CP Khách sạn Hạ Long	6.000.000.000	6.000.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Bảo Hiểm Bưu Điện	48.020.000.000	48.020.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Khách sạn Sài Gòn Kim Liên	7.618.100.000	7.618.100.000
Cổ phiếu Công ty CP Xi măng Hà Tiên	779.200.000	779.200.000
Cổ phiếu Công ty CP Vận tải Long An	100.000.000	100.000.000
Cổ phiếu TCT CP Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	43.218.000.000	43.218.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Địa Ốc 9	514.000.000	514.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Cấp nước Thủ Đức	-	1.277.992.000
Cổ phiếu Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Bảo Việt	40.080.953.060	40.080.944.145
Cổ phiếu Quỹ Đầu tư tăng trưởng Việt Nam - VF2	22.950.000.000	22.950.000.000
Cổ phiếu Công ty CP TM & DV Dầu khí Vũng Tàu	-	232.529.700
Cổ phiếu TCT Cổ phần Rượu bia Nước giải khát Sài Gòn	7.000.000.000	7.000.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Tài chính Sông Đà	80.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Vinacafe Biên Hòa	-	4.982.016.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam	60.000.000.000	60.000.000.000
	316.280.253.060	292.772.781.845
Trái phiếu Công ty Tài chính CP Sông Đà	-	30.000.000.000
Trái phiếu Công ty CP Hồng Hà Dầu Khí	50.000.000.000	50.000.000.000
Trái phiếu Công ty CP Sông Đà Thăng Long	20.000.000.000	20.000.000.000
Trái phiếu Tập đoàn Điện lực Việt Nam	208.500.078.082	214.149.678.082
Trái phiếu Tập đoàn Công nghiệp Tàu Thủy (Vinashin)	67.000.000.000	67.000.000.000
Trái phiếu Chính phủ	62.006.386.986	62.983.626.986
Trái phiếu Công ty CP DK Anpha	8.000.000.000	8.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi Công ty Cơ điện và XD VN	2.400.000.000	2.400.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam	28.897.600.000	28.897.600.000
	446.804.065.068	483.430.905.068
14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN		
	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	7.513.335.795	3.393.323.449
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	40.431.677.793	36.457.127.704
Chi phí trả trước dài hạn khác	305.487.103	5.406.045.229
	48.250.500.691	45.256.496.382
15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN		
	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	3.325.504.254	5,597,412,888
Phải trả bồi thường tái bảo hiểm	24.598.602.325	25.749.196.915
Phải trả về nhượng phí tái bảo hiểm	277.178.661.615	220.460.289.972
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	19.954.304	336.357.869
	305.122.722.498	252.143.257.644

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	17.764.636.142	16.047.491.952
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.228.412.747	3.014.264.235
Thuế thu nhập cá nhân	4.400.548.017	154.463.747
Phải nộp nhà nước khác	-	5.593.561.942
	25.393.596.906	24.809.781.876

17. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Dự phòng phí VNĐ	Dự phòng bồi thường VNĐ	Dự phòng dao động lớn VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2010	595.143.412.219	141.011.636.374	162.954.939.103	899.109.987.696
Số trích lập trong năm	47.181.937.758	27.168.760.797	45.226.303.908	119.577.002.463
Số sử dụng trong năm	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2010	642.325.349.977	168.180.397.171	168.181.243.011	978.686.990.159
Số trích lập trong kỳ	170.132.213.542	17.842.992.348	28.325.145.702	216.300.351.592
Số sử dụng trong kỳ	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2011	812.457.563.519	186.023.389.519	186.506.388.713	1.184.987.341.751

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo giấy phép thành lập và hoạt động, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 755.000.000.000 đồng.

Mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phần được phép phát hành	75.500.000	75.500.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	75.500.000	75.500.000
Mệnh giá (VNĐ)	10.000	10.000

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MÃ SỐ B 09-DNBH/HN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ dự trữ bất buộc VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2010	755.000.000.000	1.133.484.074.449	17.080.372.504	656.021.813	33.365.294.003	-	-	316.341.270.103	2.256.583.054.685
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	141.264.628.498	141.264.628.498
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	-	-	-	(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
Phân phối quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	698.418.664	10.015.894.409	9.900.001.077	(21.027.536.485)	(413.222.335)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	3.168.594.222	-	-	-	-	-	3.168.594.222
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(35.449.819.114)	(35.449.819.114)
Chỉ khác	-	-	-	-	-	-	-	(1.864.650.537)	(1.864.650.537)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	157.000.000	-	157.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2010	755.000.000.000	1.133.484.074.449	20.248.966.726	656.021.813	43.381.188.412	43.381.188.412	10.057.001.077	308.663.892.465	2.272.845.585.419
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	97.955.562.281	97.955.562.281
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	-	-	-	(113.250.000.000)	(113.250.000.000)
Phân phối quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	856.598.190	-	856.598.190	(1.713.196.380)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	348.882.366	-	-	-	-	-	348.882.366
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	(121.816.900)	-	(121.816.900)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(656.021.813)	(27.247.868)	(349.373.413)	(9.545.762.325)	(10.834.699.598)
Số dư tại ngày 30/6/2011	755.000.000.000	1.133.484.074.449	20.597.849.092	-	1.954.744.488	43.353.940.544	10.442.408.954	282.110.496.041	2.246.943.513.568

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2011/BM/ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2011, các cổ đông của Tổng Công ty đồng ý chia cổ tức năm 2010 với số tiền là 113.250.000.000 đồng (15%/vốn điều lệ) từ lợi nhuận chưa phân phối của Tổng Công ty.

Các khoản giảm khác của quỹ dự trữ bất buộc, quỹ khác thuộc vốn sở hữu và chỉ khác từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ là các khoản điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Tổng Công ty Đầu tư & KD vốn Nhà nước	382.788.000.000	50,70%	382.788.000.000	382.788.000.000
AXA .SA – Pháp	125.700.000.000	16,65%	125.700.000.000	125.700.000.000
Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam	42.532.000.000	5,63%	42.532.000.000	42.532.000.000
Tổng Công ty Sông Đà	24.304.000.000	3,22%	24.304.000.000	24.304.000.000
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam	19.784.800.000	2,62%	19.784.800.000	19.784.800.000
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Hóa Chất VN	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty CP XNK Xây dựng Việt Nam	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	6.076.000.000	0,80%	6.076.000.000	6.076.000.000
Tổng Công ty Vật tư Nông Nghiệp	6.076.000.000	0,80%	6.076.000.000	6.076.000.000
Tổng Công ty Thành An	4.340.000.000	0,57%	4.340.000.000	4.340.000.000
CBNV Bảo Minh và Cổ đông bên ngoài	94.791.200.000	12,57%	94.791.200.000	94.791.200.000
	755.000.000.000	100%	755.000.000.000	755.000.000.000

19. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định là 29,92%. Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại Công ty con như sau:

	30/6/2011	31/12/2010 VND
Tổng tài sản	338.036.354.685	333.415.663.831
Tổng nợ phải trả	(17.874.763.827)	(9.649.827.611)
Tài sản thuần	320.161.590.858	323.765.836.220
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	300.000.000.000	300.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	-	936.104.185
Quỹ dự phòng tài chính	2.789.304.350	1.932.706.160
Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	3.081.466.907	1.410.581.432
Lợi nhuận chưa phân phối	14.290.819.601	19.486.444.443
Lợi ích của cổ đông thiểu số		
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	89.752.000.000	89.752.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	-	280.082.372
Quỹ dự phòng tài chính	834.559.862	578.265.683
Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	921.974.899	422.045.964
Lợi nhuận chưa phân phối	4.275.813.225	5.830.344.177
	95.784.347.986	96.862.738.196

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011:

	VND
Lợi nhuận trong kỳ	11.517.571.538
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	<u>3.446.057.404</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	84.851.841.937	57.574.478.528
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	16.406.716.195	8.035.528.982
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.966.827.559	7.095.565.068
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	28.364.510.298	13.662.841.943
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.984.609.572	5.813.551.562
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	13.171.860.921	20.203.847.146
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.657.978.422	1.244.399.330
	177.404.344.904	113.630.212.559

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền vay	201.922.409	3.534.241.079
Chi phí quản lý phòng đầu tư	19.964.247.732	13.166.547.358
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.431.266.442	4.338.689.624
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.799.133.251	8.641.217.859
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	40.933.103.814	5.892.195.145
Chi phí hoạt động mua bán chứng khoán	3.747.033.846	5.636.296.642
Chi phí tài chính khác	225.047.449	37.727.272
	87.301.754.943	41.246.914.979

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận trước thuế	108.664.250.499	76.739.696.017
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(42.571.715.618)	(16.040.634.862)
Cộng: Các khoản điều chỉnh báo cáo hợp nhất	4.097.247.148	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	113.852.140	-
Thu nhập chịu thuế	70.303.634.169	60.699.061.155
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế với thuế suất 12,5%	54.937.762.598	-
Thu nhập khác chịu thuế với thuế suất 25%	15.365.871.571	60.699.061.155
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.708.688.218	15.174.765.289

Theo Công văn trả lời Công ty mẹ số 3749/TCT-TTHT ngày 9 tháng 4 năm 2008 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu trong giai đoạn 2004 - 2006, thì Công ty mẹ tiếp tục được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp cho 2 năm 2010 và 2011. Theo đó, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho năm 2010 là 12,5%. Đối với thu nhập từ hoạt động khác thì thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty	94.509.504.877	59.079.200.069
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	94.509.504.877	59.079.200.069
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	75.500.000	75.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.252	783

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	13.237.662.186	11.616.335.359

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Trong vòng một năm	7.726.216.168	13.695.981.514
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	10.640.618.185	16.676.857.292
Sau năm năm	4.686.947.643	1.124.425.280
	23.053.781.996	31.497.264.086

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất, văn phòng và đường truyền internet với tiền thuê hàng tháng từ 500.000 đồng đến 292.585.541 đồng với thời hạn từ 1 năm tới 40 năm.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Góp vốn vào Công ty liên doanh (UIC) bằng lợi nhuận	-	59.654.252.048
Góp vốn vào Công ty liên doanh (UIC) bằng tiền mặt	-	55.052.624.902



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

Từ 1/1/2011
đến 30/6/2011
VND

Từ 1/1/2010
đến 30/6/2010
VND

Lương và các khoản phúc lợi khác

3.430.747.862

2.985.227.280



Vũ Thị Dung
Người lập



Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2011

